TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DSST
Ngày: 28 tháng 3 năm 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Phạm Đình Thìn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viênsơ cấp.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2018/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐST-DSngày 20 tháng 02 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa:

+ **Nguyên đơn**: chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn H, xã NghH, huyện LG, tỉnh BG(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn NgS, xã QT, huyện LG, tỉnh BG (có mặt).

+ Bị đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn GB, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG(vắng mặt) .

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Dương Ngọc Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn GB, Xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền chị Lê Thị H trình bày: Chị Đ và chị Nguyễn Thị L, anh Dương Ngọc Đ ở thôn GB, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG có quan hệ làm ăn, quen biết nhau từ việc đi chợ, buôn bán gà. Ngày 01/6/2017 âm lịch chị Đức và chị L có lập một giấy vay nợ do chị L viết nội dung ghi vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Dương Ngọc Đ nợ chị Phạm Thị Đ số tiền 102.000.000 đồng. Chị L có hẹn thời gian thanh toán là ngày 25/12/2017 âm lịch. Về tiền lãi, hai bên thỏa thuận mỗi tháng chị L, anh Đ trả 1.000.000 đồng (tính bằng 1%)/tháng, nhưng không ghi vào giấy vay nợ trên. Về nguồn gốc số tiền nợ trên thực chất là tiền chị L, anh Đ nợ từ

tiền mua gà của chị Đ, sau đó đến ngày 01/6/2017 thì hai bên chốt nợ và thỏa thuận chốt thành khoản tiền vay, có hẹn ngày thanh toán với nhau. Đến hạn thanh toán, chị L, anh Đ không trả tiền cho chị Đ. Sau đó chị Đ đã gọi điện và đến nhà yêu cầu anh Đ, chị L trả tiền nhưng vợ chồng anh Đ, chị L không trả, còn thách thức chị, Nay chị Đ yêu cầu chị L, anh Đ phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 102.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất bằng 10%/năm, thời gian tính từ ngày 01/6/2017 (âm lịch) cho đến ngày xét xử và yêu cầu chị L, anh Đ tiếp tục phải trả lãi cho đến ngày thi hành xong nghĩa vụ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L tại bản tự khai ngày 15/01/2019, biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2019 trình bày: Chị và chị Phạm Thị Đ có quan hệ làm ăn, quen biết nhau, do cùng buôn bán gà và chị hay mua gà của chị Đ. Ngày 01/6/2017, chị có hỏi chị Đ vay tiền, mục đích chị vay hộ cô ruột là Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 ở thôn Ch, xã TĐ, huyện SĐ. Khi vay tiền của chị Đ, chị có nói vay hộ tiền nhưng không nói rõ vay hộ ai, do tin tưởng nhau nên chị Đ đồng ý. Số tiền chị Đ cho chị vay là 102.000.000 đồng (một trăm linh hai triệu đồng), chị Đ không tính lãi suất, chị hẹn chị Đức ngày 25/12/2017 thì thanh toán. Khi đó chị là người viết giấy vay, là người nhận tiền và ký nhận nợ. Khi đến hạn, chị không thanh toán được cho chị Đ số tiền trên và đến nay cũng không thanh toán được, lý do vì cô của chị không trả tiền cho chị, bản thân chị thì làm ăn sa sút chưa trả được nợ. Nay chị Đ yêu cầu chị trả tiền gốc và lãi, thì chị đề nghị chị Đ không tính tiền lãi, tiền vay gốc chị xin trả dần.

Anh Dương Ngọc Đ là chồng chị, không đi vay tiền cùng chị, chị cũng không nói cho anh Đ biết, sau này khi chị Đ đến đòi thì anh Đ mới biết và nói chị tự chịu trách nhiệm trả nợ. Nay chị và anh Đ sống ly thân, chị đã chuyển sang ki ốt chợ xã Tiên Lục sinh sống, nên chị và anh Đ không chung sống cùng nhau nữa, chị nhận trách nhiệm riêng đối với khoản nợ trên của chị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Ngọc Đ đã được Tòa án gửi giấy báo, triệu tập đến Tòa án nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã xác minh tại địa phương thì anh Đ, chị L vẫn chung sống cùng nhau và hiện sinh sống, cư trú tại thôn GB, xã ĐM, huyện LG. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của anh Đ, chị L theo quy định của pháp luật. Anh Đ không có lời khai gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị H có mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến. Bà H xác định số tiền chị L nhận nợ, viết giấy vay trên xuất phát từ việc vợ chồng chị L, anh Đ nợ tiền mua gà của chị Đ, sau đó hai bên đã đối chiếu công nợ và tính thành khoản tiền vay, có hẹn thời gian thanh toán, có thỏa thuận về lãi suất. Do vậy đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị L, anh Đ. Việc chị L xác định là khoản tiền chị L vay riêng, vay hộ cô ruột chị L, anh Đ không biết là không đúng. Chị H yêu cầu chị L, anh Đ phải trả cho chị Đ 102.000.000 đồng tiền nợ gốc. Về tiền lãi, nay chị yêu cầu tính lãi khoản tiền trên kể từ ngày kế tiếp sau ngày chị L hẹn trả tiền cho chị Đ là ngày 26/12/2017 âm lịch (tức ngày 11/02/2018 dương lịch), cho đến ngày xét xử theo mức lãi 10%/năm và yêu cầu chị L, anh Đ

tiếp tục phải chịu tiền lãi cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ theo mức lãi suất 10%/ năm theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L, anh Dương Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện nghiêm đúng, đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị L, có đến Tòa án làm việc trình bày lời khai, song sau này chị L không đến tham gia hòa giải, đối chất, vắng mặt tại phiên tòa ngày 7/3/2019 và ngày 28/3/2019 không có lý do. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Ngọc Đ đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ. Anh Đ vắng mặt không có lý do trong phiên tòa ngày 7/3/2019 và 28/3/2019, HĐXX căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Giấy vay nợ tiền giữa chị L và chị Đ số tiền 102.000.000 đồng là tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo về hình thức. Số tiền vay trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh Đ, chị L không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh mục đích vay của mình. Nên chị Đ yêu cầu chị L, anh Đ hoàn trả số tiền gốc 102.000.000đ là có căn cứ, áp dụng Điều 288, 463, 466, 469 BLDS 2015, chấp nhận yêu cầu của chị Đ buộc chị L và anh Đ phải liên đới hoàn trả tiền nợ gốc 102.000.000 đồng. Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất, các bên không thỏa thuận được mức lãi suất, do đó căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS 2015, buộc chị L anh Đ phải chịu tiền lãi kể từ ngày 26/12/2017 âm lịch (tức ngày 11/2/2018 dương lịch) đến ngày 28/3/2019 dương lịch là 1 năm 01 tháng 16 ngày là 102.000.000đ x (10%/năm) x 1 năm) + 102.000.000đ x (0,833%/tháng) x 1 tháng + 102.000.000đ x (0,0278%/ngày) x 16 ngày = 11.503.000 đồng. Buộc chị L và anh Đ phải liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả chị Đ tổng số tiền lãi và gốc là 113.503.000 đồng.

Về án phí: chị Nguyễn Thị L, anh Dương Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Đ cùng các tài liệu, chứng cứ do chị Đ, chị H giao nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Ngọc Đ vắng mặt trong quá trình hòa giải, đối chất và tại phiên tòa ngày 7/3/3019, ngày 28/3/2019. Anh Đ, chị L đã được Tòa án thông báo,

tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[3].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về dân sự, các đương sự cư trú tại huyện Lạng Giang, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết theo thẩm quyền được qui định tại các điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ giấy vay nợ do nguyên đơn nộp và các bên đều thừa nhận kể từ ngày 1/6/2017 chị L và chị Đ đã thống nhất xác nhận khoản vay 102.000.000 đồng và hẹn ngày thanh toán, nên HĐXX xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Thời hạn thanh toán các bên thỏa thuận là 25/12/2017 (âm lịch) tức ngày 10/2/2018 dương lịch tính đến ngày chị Đ gửi đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, thì thời hiệu khởi kiện đảm bảo theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự.

[5]. Về nội dung tranh chấp: Chị Phạm Thị Đ xác định chị Nguyễn Thị L, anh Dương Ngọc Đ nợ chị khoản tiền 102.000.000 đồng gốc, chị L đã viết giấy vay nợ ngày 01/6/2017 âm lịch, nay yêu cầu chị L, anh Đ phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi. Chị Nguyễn Thị L xác nhận có vay nợ chị Đ khoản tiền trên và đến nay chưa thanh toán, nhưng xác định đây là khoản nợ của riêng chị, chị xin trả tiền vay gốc và trả dần. Khoản vay trên không phải là nợ tiền mua gà của chị Đức, không liên quan đến mục đích kinh tế của gia đình, anh Đ không biết.

HĐXX thấy: Căn cứ giấy vay nợ lập ngày 01/6/2017, lời thừa nhận của chị Nguyễn Thị L xác nhận có vay nợ của chị Phạm Thị Đ số tiền 102.000.000 đồng là có thật và hiện còn nợ chị Đ số tiền trên nên yêu cầu của chị Đ đối với chị L được Tòa án chấp nhận. Đối với việc chị Đ yêu cầu anh Dương Ngọc Đ chồng chị L có trách nhiệm liên đới cùng chị L thanh toán khoản nợ gốc và lãi, HĐXX thấy, mặc dù chị L khai đây là khoản nợ riêng của chị với chị Đ, chị vay hộ bà cô, nhưng không được chị Đ thừa nhận, chị L không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Tại giấy vay nợ ngày 01/6/2017 do chị L viết đã thừa nhận anh Đ biết sự việc nợ chị Đ bằng việc ghi nội dung "tôi là Nguyễn Thị L và chồng là Dương Ngọc Đ xóm G, ĐM, huyện LG có vay của chị Phạm Thị Đ số tiền 102.000.000 đồng". Bên cạnh đó, chị L thừa nhận khi vay tiền của chị Đ thì chị và anh Đ đang chung sống hòa thuận, cùng làm ăn phát triển kinh tế, trong gia đình. Ngoài ra, trong lời khai của chị Lê Thị H khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xác định khoản tiền trên thực chất là tiền chị L, anh Đ mua gà của chị Đ còn nợ, đến ngày 1/6/2017 âm lịch thì chị L chốt nợ với chị Đ, và thống nhất tính thành khoản tiền nợ, chị Đ và chị H đã chứng minh bằng chứng cứ là giấy ghi các mã hàng của chị L, anh Đ mua gà. Trong các giấy tờ ghi các mã hàng trên, tại trang bút lục 43 (mặt sau) có dòng chữ "L nợ" trong khung kẻ hình chữ nhật trên dòng tổng 102.000.000 đồng và tại trang bút lục 44 có ghi dòng chữ "một trăm linh ba triệu ba trăm hẹn từ 15/3 đến 30 trả hết sai chịu trách nhiệm em L" chị H xác định đây là chữ viết của chị L. Từ các chứng cứ trên cho thấy, khoản tiền nợ chị Đ 102.000.000 đồng mặc dù chỉ có chị L viết và ký nhận song xét thực tế tình trạng hôn nhân của chị L, anh Đ khi đó vợ chồng vẫn

cùng làm ăn, chung sống, đây là khoản nợ xuất phát ban đầu từ tiền buôn bán gà giữa hai bên, phục vụ cho kinh tế của gia đình chị L, nên cần buộc anh Đ và chị L phải có trách nhiệm chung đối với khoản nợ này. Việc chị L cho rằng anh Đ không biết, không có trách nhiệm cùng với chị không được HĐXX chấp nhận. Do vậy yêu cầu của chị Đ là có cơ sở, được HĐXX chấp nhận. Buộc chị L, anh Đ cùng phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Đ số tiền gốc là 102.000.000 đồng.

Về tiền lãi, trong giấy vay nợ không ghi thỏa thuận về lãi, chị Đ, chị H xác định hai bên có thỏa thuận tính lãi là 1.000.000 đồng, tương đương mức lãi là 1%/ tháng, song chị L không thừa nhận. Tại phiên tòa chị H không yêu cầu tính lãi khoản tiền trên từ ngày 01/6/2017 âm lịch đến ngày 25/12/2017 âm lịch, nhưng yêu cầu tính lãi kể từ ngày kế tiếp theo ngày chị L, anh Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là từ ngày 26/12/2017 (âm lịch) tức ngày 11/02/2018 dương lịch đến ngày xét xử, mức lãi suất tính bằng 10%/năm và yêu cầu chị L, anh Đ phải tiếp tục chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cho đến khi thanh toán xong tất cả khoản nợ, HĐXX căn cứ điều 357; khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì việc đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi như trên là hợp lý và được chấp nhận, cần buộc chị L, anh Đ phải chịu lãi tính từ ngày 11/02/2018 đến ngày xét xử 28/3/2019 là 01 năm 01 tháng 16 ngày. Tính lãi bằng [(102.000.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng)] + [102.000.000 đồng x 0,833% x 1 tháng] + (102.000.000 đồng x 0,0278%/ngày x 16 ngày) = 11.503.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi buộc chị L, anh Đ phải thanh toán trả chị Đ là: 113.503.000 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

[6].Về án phí: Chị L, anh Đ phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 288; điều 357; điều 429; khoản 2 điều 468; Điều 463; điều 464; điều 466; điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Dương Ngọc Đ phải liên đới thanh toán trả chị Phạm Thị Đ số tiền gốc 102.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 11.503.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 113.503.000 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm linh ba nghìn đồng).

Về án phí: Chị L, anh Đ phải chịu án phí là: 5.675.000 (Năm triệu sáu trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Phạm Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số

AA/2018/0006819 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-VKSND H Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS H. Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hằng